

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 11 năm 2019

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Tiến

**Các Hội thẩm nhân dân:**

Bà Doãn Thị Lệ

Bà Lê Thị Toan

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh H trình bày:***

Tôi và anh Nguyễn Minh C đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó bắt đầu mâu thuẫn vợ chồng vì nhiều vấn đề trong cuộc sống, năm 2012 tôi cũng đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì con cái nên đã cố gắng đoàn tụ gia đình và rút đơn khởi kiện. Thời gian gần đây thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng anh C thường xuyên chửi bới, đánh đập tôi vì quá sợ hãi tôi phải thuê trọ chuyển ra ngoài sống, tôi không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C.

Về con chung: Tôi và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/4/1999 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 22/12/2003. Cháu Đ đã trưởng thành và sống tự lập được tôi không có yêu cầu gì, còn đối với cháu C tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

***Tại bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2019 và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Minh C trình bày:***

Tôi và chị Trần Thị Thanh H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống với nhau chúng tôi xảy ra nhiều xích mích, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ tôi đã có đơn xin ly hôn năm 2012, nhưng được sự hòa giải của Tòa án nhân dân thành phố P, chúng tôi đã quay trở lại hòa hợp chung sống với nhau. Tuy nhiên trong cuộc sống cũng có những xô xát xảy ra nhưng không thường xuyên, chị H xin ly hôn, nên tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/4/1999 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 22/12/2003. Cháu Đ đã trưởng thành tôi không có yêu cầu, tuy nhiên cháu đang học tôi sẽ có trách nhiệm, còn đối với cháu C tôi đồng ý với nguyện vọng của chị H giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và theo ý kiến của chị H tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh C tự do đăng ký kết hôn vào năm 1997, tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị H và anh C được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị Trần Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh C và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh C, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh C đã đến Tòa án làm việc và xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Minh C. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, trước đây chị H cũng đã làm đơn xin ly hôn, được Tòa án hòa giải đã rút đơn về, nay lại tiếp tục xin ly hôn, anh C cũng đồng ý ly hôn. Hiện nay chị H đã ra ở riêng, hai vợ chồng không còn tình thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau nên không còn tình nghĩa vợ chồng, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cho chị H được ly hôn với anh C là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh C có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/4/1999 và cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 22/12/2003 (Nguyễn vọng sống với mẹ).

Cháu Nguyễn Minh Đ đã trưởng thành và sống tự lập được.

Đối với cháu Nguyễn Minh C, chị Trần Thị Thanh H có nguyện vọng được nuôi và không yêu cầu anh Nguyễn Minh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của chị H là chính đáng, hợp pháp, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, căn cứ quyền lợi mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu Nguyễn Minh C cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Trần Thị Thanh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

***- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;***

***- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;***

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H.

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

**2. Về con chung:**

Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh C có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/4/1999 và cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 22/12/2003 (Nguyên vọng sống với mẹ).

Cháu Nguyễn Minh Đ đã trưởng thành và sống tự lập được.

Giao cháu Nguyễn Minh C cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Trần Thị Thanh H không yêu cầu anh Nguyễn Minh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định

của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

### **3. Về tiền án phí:**

Chị Trần Thị Thanh H tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001966, ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.P;
- Các đương sự;
- THA DS TP.P (Để thi hành);
- UBND thị trấn P, huyện C,
- Tỉnh Gia Lai (số 01, quyển số 01, ngày 25/12/1997);
- Lưu.

**Hoàng Văn Tiến**